

Số: 133/BC-UBND

Nhị Chiểu, ngày 09 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính quý 3/2025.
Phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2025**

Thực hiện Công văn số 2237/UBND-NVKTGS ngày 27/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ; Quyết định số: 396/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND phường Nhị Chiểu về việc Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng cuối năm 2025 phường Nhị Chiểu.

UBND phường Nhị Chiểu báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính quý 3 năm 2025; phương hướng nhiệm vụ CCHC 3 tháng cuối năm 2025 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành:

Công tác Cải cách hành chính (CCHC) được UBND, Chủ tịch UBND phường đặc biệt quan tâm chỉ đạo, điều hành thực hiện ngay từ khi mới sáp nhập, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

UBND phường đã ban hành Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 về việc Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng cuối năm 2025, trong đó xác định đầy đủ, cụ thể 7 nội dung công tác cải cách hành chính;

Xây dựng các kế hoạch khác phục vụ cho công tác điều hành như: Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Đảng ủy, HĐND -UBND, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng; Kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC, chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, chỉ số hiệu quả quản trị....

Ban hành công văn số 39/UBND ngày 15/7/2025 về thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2025; Công văn số 446/CV-UBND ngày 08/9/2025 về việc thực hiện bộ chỉ số CCHC tại UBND phường năm 2025.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính:

Chủ tịch UBND phường phân công cán bộ, chuyên viên phụ trách theo dõi việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo lĩnh vực phụ trách. Tính từ 01/7/2025 đến 09/9/2025 UBND phường đã thực hiện hoàn thành 21/44 nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch CCHC ban hành kèm theo QĐ số 396/QĐ-UBND ngày 29/7/2025. Các nhiệm vụ còn lại đang triển khai thực hiện theo tiến độ trong năm.

3. Về công tác kiểm tra CCHC: Thực hiện theo kế hoạch cấp trên và Kế hoạch tự kiểm tra CCHC vào tháng 11/2025.

4. Về công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính:

Ngày 06/8/2025 UBND phường đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC 5 tháng cuối năm 2025, trong đó tập trung vào tuyên truyền CCHC, phổ biến quan điểm chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức tuyên truyền như: tuyên truyền tại các hội nghị giao ban, trên hệ thống loa truyền thanh, trên cổng thông tin điện tử, facebook, fanpage....

5. Thực hiện nhiệm vụ được UBND thành phố giao:

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 18 nhiệm vụ
- + Số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn: 12 nhiệm vụ
- + Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn: 05 nhiệm vụ
- + Số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 01 nhiệm vụ

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

Từ ngày 01/7/2025 đến 09/9/2025 UBND phường không ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào.

b) Công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật:

UBND phường xây dựng kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 11/8/2025 Về việc thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 để tổ chức thực hiện soạn thảo, ban hành, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định. Các văn bản hành chính thông thường được ban hành theo đúng quy định về nội dung, thể thức. Các nghị quyết của HĐND được ban hành theo đúng quy định.

c) Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

UBND phường ban hành kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 08/9/2025 theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025 trên địa bàn phường để triển khai có hiệu quả công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn phường cũng là để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp trong việc áp dụng pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 12/8/2025 của UBND phường về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn phường.

- Thực hiện Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 12/8/2025 rà soát danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi cấp xã. Kết quả rà soát như sau: Tổng 2.220 thủ tục hành chính trong đó:

- + Số thủ tục hành chính cấp tỉnh: 1.907 thủ tục
- + Số thủ tục hành chính cấp xã: 313 thủ tục

+ Số thủ tục hành chính thuộc cơ quan ngành dọc: 30 thủ tục
 - Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: Tổng số thủ tục hành chính: 313 thủ tục. Trong đó:

- + Thủ tục cắt giảm trên 50% thời gian giải quyết: 269 thủ tục
- + Thủ tục cắt giảm dưới 50% thời gian giải quyết: 8 thủ tục
- + Không cắt giảm thời gian: 36 thủ tục

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Hành chính công:
 - Cơ sở vật chất tại Trung tâm phục vụ hành chính công đảm bảo thực hiện giải quyết thủ tục hành chính như: máy bấm số, màn hình hiển thị, loa gọi số, 6 máy tính dành cho CBCC, 2 máy tính + máy scan dành cho công dân tự số hoá và nộp hồ sơ.

+ Nhân sự: Đảm bảo để thực hiện nhiệm vụ bao gồm 06 biên chế của Trung tâm phục vụ Hành chính công và 03 nhân viên hỗ trợ cán bộ và nhân dân; 01 cán bộ ngành dọc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, 01 cán bộ phụ trách bảo hiểm được cử về thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm.

- Thực hiện triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ.

+ Kết quả thực hiện số hóa kết quả: 3.786/3.786 hồ sơ đạt 100%; Số hóa thành phần hồ sơ: 3.778/3.786 hồ sơ đạt 99,8%

+ Kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Từ ngày 15/6 đến 09/9/2025 tổng số hồ sơ tiếp nhận: 3.786 hồ sơ trong đó:

Trực tuyến 1.935/3.786 hồ sơ = 51,1%

Trực tiếp 1.851/3.786 hồ sơ = 48,9%

Số hồ sơ đã giải quyết: 3.753/3.786 = 98,94% Trong đó: Đúng hạn: 3.743 hồ sơ; Quá hạn: 03 hồ sơ; số hồ sơ xin rút: 7 hồ sơ.

Số hồ sơ đang giải quyết trong hạn: 33 hồ sơ

- Nâng cao hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết các ý kiến phản ánh, đánh giá về việc giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị. Từ ngày 01/7/2025 đi vào hoạt động chính quyền 02 cấp, địa phương không nhận được ý kiến phản ánh, kiến nghị nào về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC bằng phiếu đánh giá. Khảo sát hơn 3000 phiếu đều được đánh giá rất hài lòng và hài lòng.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- UBND phường trình HĐND phường thông qua Nghị quyết quyết định thành lập 04 cơ quan chuyên môn¹ thuộc UBND phường tại kỳ họp chuyên đề.

- Ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng ban chuyên môn² thuộc UBND phường

- Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế làm việc³ của UBND phường nhiệm kỳ 2021-2026; Quy chế thi đua, khen thưởng, quy chế phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn ...

- Thực hiện chính quyền 2 cấp UBND phường đã sử dụng và bố trí các cán bộ, công chức đảm nhiệm các công việc theo đúng quy định, cụ thể như sau:

+ Cán bộ, công chức: 78 người. Trong đó trình độ đại học, trên đại học: 78/78 người đạt 100%; Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 06 người, Trung cấp: 57 người; Sơ cấp: 07 người.

+ Người hoạt động không chuyên trách ở phường 16 người;

+ Người hoạt động KCT ở Tổ dân phố: 54 người;

- Thực hiện rà soát số lượng cán bộ, công chức có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền 2 cấp theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ: 16 trường hợp.

4. Cải cách chế độ công vụ

- UBND phường đã ban hành quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về việc giao biên chế cho HĐND, UBND, phòng chuyên môn, Trung tâm phục vụ hành chính công và Ban chỉ huy quân sự phường năm 2025.

- Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập là: 513 người (Biên chế giao là 560 biên chế).

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm cán bộ, công chức:

+ Bổ nhiệm chức danh, chức vụ đối với 10 cán bộ cấp phòng và tương đương;

+ Bổ nhiệm cán bộ quản lý các trường học 44 hiệu trưởng, hiệu phó các nhà trường.

+ Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại 17 sự nghiệp công lập tại địa phương, điều động, bổ nhiệm 04 trường hợp.

- Tình hình chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính: Chỉ đạo các cán bộ, công chức, người lao động tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, quản lý

¹ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 về việc thành lập 4 cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường Nhi Chiều: Văn phòng HĐND-UBND, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, phòng Văn hóa- xã hội; Trung tâm phục vụ hành chính công.

² QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Phục vụ Hành chính công; QĐ số 04/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Văn phòng HĐND-UBND; QĐ số 05/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Phòng Văn hóa xã hội; QĐ số 06/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

³ Quy chế làm việc kèm theo QĐ số 02/QĐ-UBND ngày 02/7/2025.

nghiêm đội ngũ CBCC trong thực thi công vụ đặc biệt là quy tắc ứng xử tại Trung tâm phục vụ hành chính công và chấp hành giờ giấc làm việc.

- UBND phường tiếp tục tạo điều kiện cho CBCC được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính-ngân sách.

+ Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được thành phố giao: Thu ngân sách nhà nước đạt 99.8% .

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: đạt 99,9%⁴

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Không có

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã dần đi vào nề nếp; Tài sản được sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Việc giao quyền tự chủ tài chính đã phát huy được tính sáng tạo của cán bộ, viên chức, người lao động trong các đơn vị. Các đơn vị đã chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng dịch vụ; sử dụng kinh phí được giao tiết kiệm, hiệu quả góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động, tích lũy để tăng cường cơ sở vật chất, giảm chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, phát huy cao độ tính dân chủ cơ sở, công khai, minh bạch, lấy ý kiến của viên chức, người lao động một cách rộng rãi.

6. Xây dựng phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Công tác hiện đại hóa nền hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ KHKT và công nghệ vào hoạt động của cơ quan Nhà nước được UBND phường triển khai và nghiêm túc thực hiện. UBND xây dựng kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Chính quyền Nhà nước, chính quyền số thông tin mạng năm 2025.

- Hiện tại, Trung tâm phục vụ hành chính công được trang bị mạng Internet bằng công nghệ cáp quang (địa chỉ IP tĩnh), hệ thống mạng Lan, thiết bị sóng Wifi; máy vi tính; máy in, máy scan, kiot lấy số tự động, màn hình hiển thị tập trung, màn hình hiển thị tại quầy, tủ đựng tài liệu; bàn ghế làm việc; ghế ngồi chờ; bàn ghế đầy đủ. Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần và toàn trình đạt 82.8%.

- Tỷ lệ máy tính Cán bộ, công chức sử dụng cho công việc: 78/78=100%.

- Các máy tính cá nhân được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền (BKAV). Hệ thống Wifi được đặt mật khẩu bảo vệ.

+ Điểm Bru điện văn hóa có kết nối Internet: 04 điểm

⁴ Kế hoạch giao giải ngân vốn đầu tư công: 54.818.158 nghìn đồng. Trong đó đã giải ngân: 54.818.108 nghìn đồng đạt 99.9%.

- + Điểm Bưu điện văn hóa và Bưu cục có đại lý Internet: 04 điểm
- + Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính: 11.254/13.240 hộ đạt 85%.
- + Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet: 12.710/13.240 hộ đạt 96%.
- + Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn có kết nối Internet băng rộng: đạt 100%.
- Thực hiện quản lý văn bản trên hệ thống văn bản điều hành, 100% văn bản đi được ban hành ký số trên hệ thống;
- UBND phường đã thành lập Ban biên tập Cổng Thông tin điện tử của phường thường xuyên đăng tải thông tin, tình hình phát triển kinh tế xã hội, hoạt động chào mừng Đại hội Đại biểu lần thứ I, phường Nhị Chiểu, lịch làm việc của lãnh đạo hàng tuần, các văn bản của phường, của cấp trên.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Mặt tích cực:

- UBND phường đã chú trọng triển khai, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số ngay từ khi thực hiện chính quyền hai cấp góp phần tạo chuyển biến tích cực trong công tác CCHC tại địa phương.
- Cải cách TTHC, giải quyết đơn giản hóa thủ tục hành chính đã rút ngắn 50% thời gian giải quyết TTHC cho nhân dân và tổ chức.
- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên, đặc biệt là trình độ chuyên môn, kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng hành chính; khả năng xử lý, giải quyết công việc ngày một tốt hơn góp phần xây dựng nền hành chính công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, thực tài, làm việc đúng chức danh, năng lực.
- Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công (một phần và toàn trình) cho người dân và doanh nghiệp có nhiều kết quả tích cực, giảm bớt thời gian đi lại của nhân dân.
- Việc thực hiện số hóa hồ sơ (đầu vào, đầu ra) được thực hiện đảm bảo.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành góp phần đẩy mạnh hiện đại hóa hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý của cán bộ.
- Hồ sơ của công dân được giải quyết kịp thời, đúng hạn, giảm thiểu tối đa hồ sơ quá hạn trên hệ thống DVC.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

- Việc đào tạo chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế, rất nhiều công dân chưa có máy tính, không có hòm thư điện tử nên việc gửi hồ sơ trực tuyến hoặc nhận kết quả số hóa còn gặp khó khăn.
- Khi thực hiện sáp nhập, lượng công dân đến giao dịch hàng ngày rất nhiều, số lượng hồ sơ phát sinh tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của phường ngày càng lớn, dẫn đến việc xử lý hồ sơ của công chức chuyên môn đôi lúc bị quá tải .

- Việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo mức độ 3,4 còn gặp nhiều khó khăn (do người dân không có nhu cầu) nên tỷ lệ hồ sơ trực tuyến chưa đảm bảo chỉ tiêu.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Chỉ đạo, bám sát kế hoạch Cải cách hành chính, các chỉ tiêu trọng điểm để hoàn thiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đặt ra; thực hiện công tác tự kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao;

- Đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Thực hiện nghiêm túc về chế độ báo cáo định kỳ.

2. Cải cách thể chế

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện có hiệu quả, thực chất việc đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật.

- Chủ động tự kiểm tra, rà soát, báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

- Tổ chức triển khai thi hành pháp luật, theo dõi và đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại địa phương bằng nhiều hình thức phong phú.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp nhận, giải quyết TTHC trên DVC quốc gia, giảm tối đa hồ sơ giải quyết trễ hẹn; Đẩy mạnh thanh toán trực tuyến trên cổng DVC.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch kỷ luật, kỷ cương hành chính tại UBND phường.

- Rà soát, thống kê và đề xuất phương án đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục thực hiện cắt giảm 50% thời gian giải quyết TTHC.

- Áp dụng ứng dụng các công cụ tiên tiến trong giải quyết TTHC như TCVN ISO 9001:2015; đặc biệt là TCVN ISO 37001:2018 trong tăng cường tính minh bạch và chống hối lộ.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục rà soát, tham mưu tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại đội ngũ cán bộ, công chức trong phường phù hợp với năng lực chuyên môn từng người.

- Thực hiện tinh giản biên chế theo đúng lộ trình đề ra.

- Thực hiện tốt việc phân cấp, phân quyền quản lý trên các lĩnh vực theo quy định;

5. Cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, tận tụy, tâm huyết, có đạo đức tốt, thái độ ứng xử tích cực, thân thiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.; siết chặt kỷ cương kỷ luật hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan.

- Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chính để đánh giá, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và gắn với công tác khen thưởng, kỷ luật.

- Thực hiện quản lý hồ sơ cán bộ, công chức trên hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức.

6. Cải cách tài chính công

- Tăng cường quản lý điều hành tài chính ngân sách gắn với các ưu tiên phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh - quốc phòng; bố trí ưu tiên các nhiệm vụ cơ bản, thiết yếu, đảm bảo nguồn lực thực hiện chính sách tiền lương; trợ cấp hàng tháng; các chính sách tính theo tiền lương cơ sở; các chế độ chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục chủ động thực hiện các quy định hiện hành về tạo nguồn để cải cách tiền lương;

- Chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; Thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quý, năm;

- Tăng cường công tác quản lý quản lý tài sản công trên địa bàn phường;

- Thực hiện các quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản chỉ đạo, quản lý về ứng dụng công nghệ thông tin, chính quyền số; Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại địa phương để phục vụ chuyển đổi số và Đề án 06.

- Có cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin; chính sách hỗ trợ cán bộ làm công nghệ thông tin.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và Trung tâm dữ liệu đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển chính quyền điện tử và đô thị thông minh.

- Tiếp tục triển khai hệ thống nền tảng kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP), đảm bảo kết nối các hệ thống thông tin dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành trọng điểm của thành phố, đồng thời kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP);

- Tiếp tục khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư trên địa bàn phường.

- Duy trì hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc của thành phố; Duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử liên thông 02 cấp;

- Tiếp tục triển khai dịch vụ chữ ký số trên nền tảng di động;
- Tiếp tục duy trì hiệu quả, thực chất việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình cải cách hành chính quý 3/2025 và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2025 của UBND phường Nhị Chiểu báo cáo Sở Nội vụ năm được./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng;
- Thường trực Đảng bộ - HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lãnh Duy Tiến

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ (Kèm theo Báo cáo số: 133/BC-UBND ngày 09/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo cải cách hành chính (CCHC) đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	12	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	47,7%	= 21/44*100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	44	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	21	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	= b/a*100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	a	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	b	
4.	Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	18	
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	12	
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	1	
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
4.2.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	3.100	
4.3.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

**Biểu mẫu 2 Cải
cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	=a+b	
	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
1.1.	Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	100%	313	
1.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	1.518	
2.	Kết quả giải quyết TTHC			
2.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	99,92%	= 3.783/3786 *100	
2.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	3.753	
2.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	0	
2.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	100%	= b/a*100	
2.2.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
2.2.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Biểu mẫu 4**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số liệu về biên chế công chức			
1.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	79	
1.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	78	
1.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3	
1.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	16	
2.	Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
2.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	560	
2.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	513	
2.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5

Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	8	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	18	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kể từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		=a+b+c+d	
4.1.	Số lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng Ủy ban nhân dân cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6

Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	99,9%	= b/a*100	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	54.818.158	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	54.818.108	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	18	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	18	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	8	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	10	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
1.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	71.6%	= b/a*100	
1.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	313	
1.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	224	
1.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	66.7%	= b/a*100	
1.2.1.	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	39	
1.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	26	
1.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	82.8%	= b/a*100	
1.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	1097	
1.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	909	
1.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	65.8%	= b/a*100	
1.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	1.558	
1.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	1.026	
1.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	25.4%	= b/a*100	
1.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	118	
1.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	30	

